

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày

tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Trọng tài thương mại; Luật sư; Quản tài viên; Đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2276/TTr-STP ngày 01 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Trọng tài thương mại; Luật sư; Quản tài viên; Đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại Danh mục Phụ lục kèm theo Quyết định).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Đấu giá tài sản, Trọng tài thương mại; Luật sư; Quản tài viên công bố tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

2. Sở Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, cập nhật, đăng

tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Đấu giá tài sản, Trọng tài thương mại; Luật sư; Quản tài viên công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ mức phí cũ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Đấu giá tài sản, Trọng tài thương mại; Luật sư; Quản tài viên công bố tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, đến hết ngày 31/12/2026. Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu các khoản phí công bố tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 106/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Sửa đổi, bổ sung mức phí của 23 thủ tục hành chính được công bố tại Danh mục ban hành kèm theo các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, cụ thể:

- Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (09 thủ tục tại phần I số thứ tự 1,2,4,5,8,9,10,11,12 lĩnh vực Trọng tài thương mại; 04 thủ tục tại phần I số thứ tự 1,2,4,5 tại phần II lĩnh vực Luật sư; 05 thủ tục tại phần V số thứ tự 1,2,3,4,5 lĩnh vực Quản tài viên; 02 thủ tục phần IX số thứ tự 1,2 lĩnh vực Đấu giá tài sản).

- Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 (03 thủ tục tại phần II số thứ tự 1,2,3 Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung).

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KS TTHC, VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Thành);
- VNPT Phú Thọ;
- TT. Phục vụ HCC;
- Trung tâm TT-CB;
- Lưu: VT, HCC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Ngọc

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC PHÍ CÁC LĨNH VỰC: TRỌNG TÀI
THƯƠNG MẠI; LUẬT SƯ; QUẢN TÀI VIÊN; ĐẤU GIÁ TÀI SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ THỌ

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngàytháng.....năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	Mức phí, lệ phí từ ngày 01/7/2025 đến 31/12/2026 (đồng)	Mức phí, lệ phí từ ngày 01/01/2027 trở đi (đồng)
I	Lĩnh vực Trọng tài thương mại			
1	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	1.500.000	3.000.000
2	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	500.000	1.000.000
3	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	5.000.000	10.000.000
4	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2.000.000	4.000.000
5	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	750.000	1.500.000
6	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	500.000	1.000.000
7	1.008904	- Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài;	500.000	1.000.000
		-Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	1.500.000	3.000.000
8	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	250.000	500.000

9	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2.500.000	5.000.000
II	Lĩnh vực luật sư			
1	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
2	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
3	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
4	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
III	Lĩnh vực Quản tài viên			
1	2.001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
2	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
3	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Phí: 400.000	Phí: 800.000
			Lệ phí: 100.000	Lệ phí: 100.000
4	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	250.000	500.000

5	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	250.000	500.000
IV. Lĩnh vực đấu giá tài sản				
1	1.003915	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	400.000	800.000
2	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	250.000	500.000
3	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	500.000	1.000.000
4	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	250.000	500.000
5	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	250.000	500.000